

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST

Ngày 10-9-2024

“Về việc: Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Xuân Vinh

2. Ông Lý Viết Chân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thủy - chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 234/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn 10, xã Cư N, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Phạm Duy C, sinh năm 1984. Địa chỉ: Thôn H, xã Hòa Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi với anh Phạm Duy C kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cư N, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/3/2024, theo giấy chứng nhận kết hôn số 25.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng một tháng, sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính

tình không hòa hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung. Tôi đã về nhà bố mẹ đẻ của tôi ở tại xã Cư N để ở và sống ly thân với anh C từ tháng 5 cho đến nay.

Xét mục đích hôn nhân của chúng tôi không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Nên tôi đã làm đơn khởi kiện xin được ly hôn với Phạm Duy C. Nguyên vọng của tôi đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho tôi với anh Phạm Duy C được ly hôn.

- *Về con chung*: Giữa chúng tôi không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về cấp dưỡng tiền nuôi con*: Do chúng tôi không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa về cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung, về nợ chung*: Chúng tôi không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì thêm.

* *Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bị đơn anh Phạm Duy C khai*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tôi với chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cư N, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/3/2024, theo giấy chứng nhận kết hôn số 25. Bản thân tôi với chị Nguyễn Thị Thu H là vợ chồng mới cưới, quá trình chung sống sau khi kết hôn giữa chúng tôi không có mâu thuẫn xích mích gì, chúng tôi chung sống hạnh phúc. Từ tháng 5 năm 2024 đến nay thì chị Nguyễn Thị Thu H đã về nhà bố mẹ đẻ không sống cùng với tôi nữa.

Tuy nhiên, nay chị Nguyễn Thị Thu H có đơn khởi kiện xin được ly hôn với tôi Phạm Duy C thì tôi không đồng ý. Bản thân tôi cũng như chị H không có mâu thuẫn gì nên tôi đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng tôi quay về đoàn tụ.

- *Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung*: Giữa chúng tôi không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Do không đồng ý ly hôn nên đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng tôi quay về đoàn tụ.

Ngoài ra tôi không có ý kiến gì thêm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn, công khai chứng cứ, hòa giải về quan hệ hôn nhân cho các đương sự. Tuy nhiên giữa chị H và anh C không thống nhất được với nhau. Vì vậy, căn cứ vào Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Phạm Duy C; Về con chung, về tài sản chung, về nợ chung chị H xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

Về tố tụng Thẩm phán, Thư ký; Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Đối với bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng

vắng mặt không có lý do là vi phạm quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Phạm Duy C.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H xác định không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đề cập để giải quyết.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu H xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đề cập để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền: Căn cứ vào đơn khởi kiện thì bị đơn anh Phạm Duy C có nơi cư trú tại xã Hòa Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện xin được ly hôn với anh Phạm Duy C. Nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa lần thứ nhất, bị đơn anh Phạm Duy C vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa thông báo cho các đương sự mở lại phiên tòa lần hai. Tuy nhiên tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Duy C vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung khởi kiện: Chị Nguyễn Thị Thu H làm đơn xin được ly hôn với anh Phạm Duy C. Hội đồng xét xử thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Qua các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, được đương sự thừa nhận và việc thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương thể hiện: Chị Nguyễn Thị Thu H với anh Phạm Duy C kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã Cư N, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/3/2024, theo giấy chứng nhận kết hôn số 25. Vì vậy, xác định hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Duy C là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo lời trình bày của chị Nguyễn Thị Thu H và được anh Phạm Duy C thừa nhận: anh chị là vợ chồng mới cưới, sau khi cưới thì cả hai sống cùng với bố mẹ chồng tại xã Hòa Đ, quá trình sống tại đây thì anh chị sống hạnh phúc được một tháng đầu sau đó thì xảy ra mâu thuẫn chủ yếu là mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu, sau đó là bất đồng quan điểm sống của hai vợ chồng. Đến đầu tháng 5/2024 thì chị H đã về nhà bố mẹ đẻ của chị ở tại xã Cư N, huyện E, tỉnh Đắk Lắk để ở hẳn từ đó cho đến nay. Còn anh C thì vẫn sinh sống cùng với bố mẹ tại xã Hòa Đ, huyện K. Anh chị không sống chung với nhau từ đó đến nay.

Và theo biên bản xác minh của Tòa án tại địa phương cung cấp thể hiện (BL 25): “Sau khi kết hôn thì anh chị sinh sống tại địa phương thôn H, xã Hòa Đ được hơn một tháng. Quá trình sinh sống tại địa phương anh chị có mâu thuẫn hay không thì địa phương không biết. Hiện nay được biết chị H đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã Cư N, E sinh sống và không còn sinh sống tại địa phương. Riêng anh C vẫn còn sinh sống tại địa phương”.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nêu: vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ chung sống với nhau. Anh C và chị H đều thừa nhận không sống chung với nhau từ tháng 5 năm 2024 cho đến nay. Căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế giữa chị Nguyễn Thị Thu H với anh Phạm Duy C, thì thấy: mâu thuẫn giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Thu H yêu cầu xin ly hôn đối với anh Phạm Duy C là có căn cứ. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H, cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Phạm Duy C.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Duy C không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do anh chị không có con chung nên chị Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

- *Về tài sản chung, về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Phạm Duy C không có tài sản chung, không có nợ chung. Nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Phạm Duy C.

2. Về nuôi con chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

4. Về tài sản chung và về nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Nguyễn Thị Thu H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2023/0005839 ngày 14 tháng 6 năm 2024.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- UBND xã Cư N, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh